

TIẾT 139, 140: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

Thời gian thực hiện: 60 phút

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

a. Nhận thức khoa học tự nhiên.

- Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người.
Nêu được chức năng của hệ vận động ở người.
 - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ): Mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động.
 - Nêu được tác hại của bệnh loãng xương.
 - Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật.
 - Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khoẻ học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống).
 - Nêu được chức năng của hệ hô hấp.
 - Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp.
 - Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp.
 - Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng tránh.
 - Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp.
- Nêu được cấu tạo sơ lược của da.
- Nêu được chức năng của da.
 - Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn.
 - Nêu được khái niệm thân nhiệt.
 - Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người.

- Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt.
- Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng.
- Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể.
- Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt.
- Nêu được chức năng của hệ sinh dục.
- Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ.
- Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.
- Nêu được hiện tượng kinh nguyệt.
- Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).
- Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên.
- Nêu được cách phòng tránh thai.
- Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.
- Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).
- Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật
- Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái.
- Trình bày được sơ lược khái niệm về giới hạn sinh thái, lấy được ví dụ minh hoạ.
- Lấy được ví dụ minh hoạ các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.
- Phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ các môi trường sống của sinh vật.
- Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người).
- Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng.
- Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng.

b. Tìm hiểu tự nhiên

- Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ):Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động
- Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động.

- Thực hành được cách đo thân nhiệt.
- Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.
- Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.
- Đo được năng lượng nhiệt mà vật nhận được khi bị đun nóng (có thể sử dụng joulemeter hay oát kế (wattmeter).
- Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó.
- Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính.
- Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt.

c. Vận dụng kiến thức, kĩ năng

- Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương.
- Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương;
- Chọn được phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (Tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân và luyện tập theo chế độ đã đề xuất nhằm nâng cao thể lực và thể hình).
- Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác.
- Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình.
- Thực hiện được tình huống giả định hô hấp nhân tạo, cấp cứu người đuối nước.
- Tranh luận trong nhóm và đưa ra được quan điểm nên hay không nên hút thuốc lá và kinh doanh thuốc lá.
- Thiết kế được áp phích tuyên truyền không hút thuốc lá.
- Điều tra được một số bệnh về đường hô hấp trong trường học hoặc tại địa phương, nêu được nguyên nhân và cách phòng tránh.
- Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da.
- Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh.
- Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân.
- Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).
- Thực hiện thí nghiệm để chứng tỏ được các chất khác nhau nở vì nhiệt khác nhau.

- Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt.
- Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.

2. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Ôn tập lí thuyết thật tốt để chuẩn bị cho tiết kiểm tra cuối kì.
- Trung thực: Tự làm bài, không quay cóp, hỏi và nhìn bài bạn.

II. YÊU CẦU

1. Giáo viên: Chuẩn bị đề kiểm tra.
2. Học sinh: Chuẩn bị giấy nháp, bút bi, bút chì, thước kẻ,... (các đồ dùng học tập).

III. TIẾN TRÌNH

Tiết	Hoạt động	Tên bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
1	45 phút	Kiểm tra cuối học kì II	Kiểm tra viết	Bài kiểm tra (TN+ TL)
2	15 phút/45 phút	Kiểm tra cuối học kì II	Kiểm tra viết	Bài kiểm tra (TN+ TL)
	30 phút	Chữa bài kiểm tra		

1. Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra cuối học kì II: Tiết 139 và 140
- Thời gian làm bài: 60 phút
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 30% Trắc nghiệm + 70% Tự luận)
- Cấu trúc:
- **Mức độ đề:** 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
- **Phần trắc nghiệm:** 3,0 điểm, (gồm 12 câu hỏi: nhận biết: 12 câu) mỗi câu 0,25 điểm;
- **Phần tự luận:** 7,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 3,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).
- **Nội dung phần: Vật sống:** 65% (6,5 điểm)
- **Nội dung phần: Năng lượng và sự biến đổi:** 35% (3,5 điểm)
- Khung ma trận:

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1. Năng lượng nhiệt và nội năng (2 tiết)		3									0,75
2. Thực hành đo năng lượng nhiệt (2 tiết)					1						1,0
3. Sự truyền nhiệt (2 tiết)		2	1								1,5
4. Sự nở vì nhiệt (2 tiết)		1									0,25
5. Khái quát về cơ thể người (1 tiết)		1									0,25
6. Hệ vận động ở người (3 tiết)		1			1						1,25
7. Hệ hô hấp ở người (3 tiết)		1	1								1,25
8. Da và điều hòa thân nhiệt ở người (2 tiết)		1					1				1,25
9. Sinh sản ở người (3 tiết)	1	2									1,5
10. Môi trường và các nhân tố sinh thái (3 tiết)			1								1,0
<i>Số ý, số câu</i>	<i>1</i>	<i>12</i>	<i>3</i>		<i>2</i>		<i>1</i>				<i>19</i>
<i>Điểm số</i>	<i>1,0</i>	<i>3,0</i>	<i>3,0</i>		<i>2,0</i>		<i>1,0</i>				<i>10,0</i>
<i>Tổng số điểm</i>	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

2. Bản đặc tả.

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Câu số)	TN (Câu số)
1. Nhiệt (8 tiết)						
1. Năng lượng nhiệt và nội năng	Nhận biết	– Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. – Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng.		3		C1,2,3
2. Thực hành đo năng lượng nhiệt	Vận dụng	Đo được năng lượng nhiệt mà vật nhận được khi bị đun nóng (có thể sử dụng joulemeter hay oát kế (wattmeter).	1		C13	
3. Sự truyền nhiệt	Nhận biết	– Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó. – Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính.		2		C4,5
	Hiểu	– Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt.	1		C14	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Câu số)	TN (Câu số)
4. Sự nở vì nhiệt	Biết	– Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt.		1		C6
	Vận dụng	– Thực hiện thí nghiệm để chứng tỏ được các chất khác nhau nở vì nhiệt khác nhau. – Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.				
2. Sinh học cơ thể người (12 tiết)						
5. Khái quát về cơ thể người	Nhận biết	– Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người.		1		C7
6. Hệ vận động ở người	Nhận biết	– Nêu được chức năng của hệ vận động ở người. – Nêu được tác hại của bệnh loãng xương. – Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật. – Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao.		1		C8
	Thông hiểu	Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ): – Mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Câu số)	TN (Câu số)
		– Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khoẻ học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống).				
	Vận dụng	– Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. – Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động. – Thực hiện được phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (Tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân và luyện tập theo chế độ đã đề xuất nhằm nâng cao thể lực và thể hình). – Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác.	1		C18	
	Vận dụng cao	– Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương; – Tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư.				
7. Hệ hô	Nhận biết	– Nêu được chức năng của hệ hô hấp.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Câu số)	TN (Câu số)
hấp ở người		– Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp. – Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng tránh. – Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp.		1		C10
	Thông hiểu	– Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp.	1		C17	
	Vận dụng	– Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình.				
	Vận dụng cao	– Thực hiện được tình huống giả định hô hấp nhân tạo, cấp cứu người đuối nước. – Tranh luận trong nhóm và đưa ra được quan điểm nên hay không nên hút thuốc lá và kinh doanh thuốc lá. – Thiết kế được áp phích tuyên truyền không hút thuốc lá. – Điều tra được một số bệnh về đường hô hấp trong trường học hoặc tại địa phương, nêu được nguyên nhân và cách phòng tránh.				
8. Da và	Nhận biết	– Nêu được cấu tạo sơ lược của da.		1		C9,

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Câu số)	TN (Câu số)
điều hòa thân nhiệt ở người		– Nêu được chức năng của da. – Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn. – Nêu được khái niệm thân nhiệt. – Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người. – Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt. – Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng. – Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt.				
	Thông hiểu	– Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể.				
	Vận dụng	– Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. – Thực hành được cách đo thân nhiệt.				
	Vận dụng cao	– Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư. – Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học. – Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh	1		C19	
	Nhận biết	– Nêu được chức năng của hệ sinh dục. – Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ.		2		C11, C12

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Câu số)	TN (Câu số)
9. Sinh sản ở người		– Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ. – Nêu được hiện tượng kinh nguyệt. – Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). – Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên. – Nêu được cách phòng tránh thai. – Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai. – Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).	1		C16	
	Vận dụng	– Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân.				
	Vận dụng cao	- Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).				
3. Sinh vật và môi trường (2 tiết)						
10. Môi trường và	Nhận biết	– Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật – Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Câu số)	TN (Câu số)
các nhân tố sinh thái		– Trình bày được sơ lược khái niệm về giới hạn sinh thái, lấy được ví dụ minh họa. - Lấy được ví dụ minh họa các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.				
	Thông hiểu	- Phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa các môi trường sống của sinh vật. – Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người).	1		C15	

3. Đề kiểm tra

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8

Thời gian làm bài 60 phút

I. TRẮC NGHIỆM: Chọn câu trả lời đúng nhất (3.0 điểm)

Câu 1: Nhiệt độ của vật càng cao, chuyển động của các phân tử, nguyên tử cấu tạo nên vật

- A. càng chậm.
- B. càng nhanh.
- C. lúc nhanh, lúc chậm
- D. không thay đổi.

Câu 2: Câu nào sau đây nói về nhiệt năng của một vật là đúng?

- A. Chỉ những vật có nhiệt độ cao mới có nhiệt năng.
- B. Chỉ những vật chuyển động mới có nhiệt năng.
- C. Chỉ những vật có khối lượng lớn mới có nhiệt năng.
- D. Mọi vật đều có nhiệt năng.

Câu 3: Một quả bóng đang lăn trên máng nghiêng có những dạng năng lượng nào mà em đã học?

- A. Chỉ có thế năng
- B. Chỉ có động năng
- C. Chỉ có nội năng
- D. Có cả thế năng, động năng và nội năng.

Câu 4: Hãy sắp xếp các chất/ vật liệu sau đây theo khả năng dẫn nhiệt tăng dần của các chất/vật liệu

- A. len, nước, đất, nhôm.
- B. nước, len, đất, nhôm.
- C. Nhôm, đất, nước, len.
- D. nước, đất, len, nhôm.

Câu 5: Mặt trời truyền nhiệt tới Trái đất bằng hình thức

- A. đối lưu.
- B. dẫn nhiệt.
- C. bức xạ nhiệt.
- D. tiếp xúc.

Câu 6: Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào do sự nở vì nhiệt của chất khí gây ra

- A. Ngọn nến đang cháy, úp chiếc cốc vào thì nến tắt.
- B. Quả bóng bay đang bay lên cao.
- C. Săm xe đạp được bơm căng, để ngoài nắng bị nổ.
- D. Bơm căng lốp xe đạp.

Câu 7: Ở cơ thể người, cơ quan nào sau đây nằm trong khoang bụng?

A. Thực quản. B. Tim. C. Phổi. D. Dạ dày.

Câu 8: Hệ vận động của người có chức năng

A. nâng đỡ và bảo vệ cơ thể, tạo ra hình dạng, duy trì tư thế và giúp con người vận động.

B. cân bằng môi trường trong cơ thể

C. tạo ra hình dạng cơ thể.

D. giúp con người vận động.

Câu 9: Lớp nào nằm ngoài cùng, tiếp xúc với môi trường trong cấu trúc của da?

A. Lớp bì.

B. Lớp biểu bì.

C. Lớp mạch máu.

D. Lớp mỡ dưới da.

Câu 10: Bộ phận nào dưới đây không thuộc hệ hô hấp ?

A. Thanh quản.

B. Thực quản.

C. Khí quản.

D. Phế quản.

Câu 11: Ở cơ quan sinh dục nam, bộ phận nào là nơi sản xuất ra tinh trùng ?

A. Ống dẫn tinh.

B. Túi tinh.

C. Tinh hoàn.

D. Mào tinh.

Câu 12: Trong cơ quan sinh dục nữ, sự thụ tinh thường diễn ra ở đâu ?

A. Âm đạo.

B. Ống dẫn trứng.

C. Buồng trứng.

D. Tử cung.

II. TỰ LUẬN: (7.0 điểm).

Câu 13 (1 điểm): Để đun sôi 3kg nước từ nhiệt độ 20°C lên 100°C cần một nhiệt lượng bằng bao nhiêu jun? Biết nhiệt dung riêng của nước là 4180J/kg.K

Câu 14 (1 điểm): Em hãy giải thích tại sao về mùa hè người ta thường mặc áo màu trắng, ít mặc áo màu đen?

Câu 15 (1 điểm): Phân biệt 4 loại môi trường sống của sinh vật, mỗi loại môi trường sống lấy ít nhất 3 sinh vật sống ở môi trường đó?

Câu 16 (1 điểm): Nêu 4 biện pháp tránh thai và tác dụng của từng biện pháp

Câu 17 (1 điểm): Trình bày sự phối hợp chức năng của mỗi cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp

Câu 18 (1 điểm): Đề xuất một số biện pháp phòng chống các bệnh, tật liên quan đến hệ vận động ở lứa tuổi học đường ?

Câu 19 (1 điểm): Giả sử trong gia đình em có người bị cảm nóng (say nắng) em sẽ làm gì để cấp cứu cho họ?

4. Hướng dẫn chấm và biểu điểm

I. TRẮC NGHIỆM: 3 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	D	A	C	C	D	A	B	B	C	B

II. TỰ LUẬN: (7.0 điểm).

<i>Hướng dẫn chấm</i>		<i>Điểm</i>
Câu 13 (1 điểm)		
Nhiệt lượng cần thiết để đun sôi 3kg nước từ nhiệt độ 20 ⁰ C lên 100 ⁰ C là:		0,25 điểm
$Q = m.c.(t_2 - t_1)$		0,25 điểm
$= 3.4180.(100-20)$		0,25 điểm
$= 1003200 \text{ J}$		0,25 điểm
Câu 14 (1 điểm)		
Về mùa hè người ta thường mặc áo màu trắng vì màu trắng phản xạ tia nhiệt tốt (hấp thụ tia nhiệt kém) nên người mặc đỡ nóng.		0,5 điểm
Ít mặc áo màu đen vì màu đen hấp thụ tia nhiệt tốt nên người mặc sẽ bị nóng.		0,5 điểm
Câu 15 (1 điểm)		
Môi trường trên cạn: Ví dụ: Chó, bò, gà....		0,25 điểm
Môi trường dưới nước: Ví dụ: Tôm, cá, rong đuôi chó...		0,25 điểm
Môi trường trong đất: Ví dụ: Giun đất, chuột chù, sùng đất...		0,25 điểm
Môi trường sinh vật: Ví dụ: Giun đũa, Sán dây, sán lá gan...		0,25 điểm
Câu 16 (1 điểm) (Hs kể được biện pháp khác ngoài gợi ý dưới đây và tác dụng đúng vẫn điểm tối đa)		
Biện pháp tránh thai	Tác dụng	0,25 điểm
Sử dụng thuốc tránh thai hằng ngày	Ngăn không cho trứng chín và rụng	

Sử dụng bao cao su	Ngăn không cho tinh trùng gặp trứng	0,25 điểm
Thắt ống dẫn tinh hoặc ống dẫn trứng		0,25 điểm
Đặt vòng tránh thai	Ngăn không cho trứng đã thụ tinh làm tổ ở tử cung	0,25 điểm
Câu 17 (1 điểm)		
- Các cơ quan của đường dẫn khí (mũi, họng, thanh quản, khí quản, phế quản) giúp dẫn khí ra và vào phổi, đồng thời, giúp ngăn bụi, làm ẩm, làm ấm không khí đi vào phổi và giúp bảo vệ phổi khỏi các tác nhân có hại từ môi trường.		0,25 điểm
		0,25 điểm
- Phổi thực hiện chức năng trao đổi khí giữa môi trường ngoài và máu trong mao mạch phổi.		0,25 điểm
→ Nhờ sự phối hợp chức năng của đường dẫn khí và phổi giúp đảm bảo chức năng lưu thông và trao đổi khí của hệ hô hấp.		0,25 điểm
Câu 18 (1 điểm)		
<i>(Hs trả lời được 2 biện pháp được 0,25 điểm; 3 biện pháp được 05,điểm; 4 biện pháp được 0,75 điểm; 5 biện pháp trở lên được 1 điểm)</i>		
Một số biện pháp phòng chống các bệnh, tật liên quan đến hệ vận động ở lứa tuổi học đường: - Ngồi học đúng tư thế, lưng thẳng. - Sử dụng bàn ghế có kích thước phù hợp. - Hạn chế mang vác vật nặng, khi mang vác vật nên mang vác đều 2 vai. - Có chế độ dinh dưỡng hợp lí, đủ chất. - Thường xuyên rèn luyện thể dục, thể thao phù hợp. - Duy trì cân nặng hợp lí. - Loại bỏ những thói quen không tốt cho xương khớp bằng một số biện pháp như: khi dùng điện thoại không nên cúi gằm; khi bê, nhắc đồ không cúi khom người,...		1,0 điểm

Câu 19 (1 điểm)	
+ Cần nhanh chóng di chuyển người bị say nắng đến nơi thoáng mát.	0,25 điểm
+ Thực hiện sơ cứu làm hạ thân nhiệt của bệnh nhân bằng một số cách như: Cởi bớt quần áo, cho uống nước mát có pha muối, chườm lạnh bằng khăn mát hoặc nước đá ở những vị trí có động mạch lớn đi gần ngoài da như nách, bẹn, cổ.	0,5 điểm
+ Nếu nạn nhân hôn mê không uống được nước hoặc nôn liên tục, sốt tăng liên tục, kèm các triệu chứng đau bụng, đau ngực, khó thở thì phải nhanh chóng chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất. Trong quá trình di chuyển vẫn thường xuyên chườm mát cho nạn nhân.	0,25 điểm

5. Phụ lục (nếu có)

6. Nhận xét;